

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2022/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 8 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số nội dung trong mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân*

dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ 7 quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết 64/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân TP Đà Nẵng điều chỉnh Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 55/TTr-STC ngày 29 tháng 7 năm 2022 về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số nội dung trong mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng và Công văn số 2716/STC-GCS ngày 06 tháng 8 năm 2022 về việc hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND thành phố về Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 18/2019/QĐ-UBND, trên cơ sở ý kiến của các thành viên UBND thành phố Đà Nẵng tại Thông báo số 404/TB-VP ngày 17/8/2022 của Văn phòng UBND thành phố.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số nội dung trong mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND thành phố**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 1 như sau:

## “2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; UBND các quận, huyện, phường, xã; Văn phòng quận, huyện ủy thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.”

“3. Quy định này không áp dụng đối với: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý khi sử dụng kinh phí do ngân sách thành phố Đà Nẵng hỗ trợ (bao gồm kinh phí từ ngân sách thành phố bố trí để thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước).”

### 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Việc bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và được thực hiện như sau:

Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định nhu cầu, kế hoạch mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ (bao gồm danh mục, chủng loại, số lượng, mức giá) và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) thẩm định, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của ngành, lĩnh vực để gửi cơ quan tài chính xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách trình UBND cùng cấp quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan sau khi được HĐND phê chuẩn.”

### 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Điều 4 như sau:

#### a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 4

“1. Đối với tài sản công (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, tàu, tài sản công khác,... đã được HĐND thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND), việc quyết định mua sắm, thuê được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Đơn vị, bộ phận trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí căn cứ dự toán ngân sách được giao hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo Điều 3 Quy định này để lập hồ sơ mua sắm, thuê tài sản công (trong đó ghi rõ về thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công hiện có; quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức của tài sản; nhu cầu, kế hoạch, sự cần thiết và sự phù hợp của danh mục, chủng loại, số lượng, giá dự toán của tài sản đề nghị mua sắm, thuê) gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) kiểm tra thống nhất, trình cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND xem xét, ban hành Quyết định mua sắm, thuê tài sản công.

- Trong trường hợp mua sắm, thuê tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thì phải lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về sự cần thiết, sự phù hợp của đề nghị mua sắm so với tiêu chuẩn, định mức và ý kiến thẩm định giá nhà nước đối với dự toán mua sắm trước khi thực hiện thủ tục

trình UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố xem xét, ban hành Quyết định mua sắm, thuê tài sản công.

- Trong trường hợp mua sắm, thuê tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của UBND quận, huyện, Chủ tịch UBND quận, huyện thì phải lấy ý kiến bằng văn bản của phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện về sự cần thiết, sự phù hợp của đề nghị mua sắm so với tiêu chuẩn, định mức trước khi thực hiện thủ tục trình UBND quận, huyện, Chủ tịch UBND quận, huyện xem xét, ban hành Quyết định mua sắm, thuê tài sản công.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê theo phân cấp tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 64/2021/NQ-HĐND sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ xem xét, ban hành Quyết định mua sắm, thuê tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp không phù hợp.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ (nguyên nhiên liệu, hóa chất, vật tư y tế, vật liệu tiêu hao; dịch vụ vệ sinh, bảo vệ,... bảo đảm hoạt động thường xuyên không phải là tài sản công theo Khoản 1 Điều này): Đơn vị, bộ phận trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí căn cứ dự toán ngân sách được giao hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác tại Điều

3 Quy định này để lập hồ sơ mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ (trong đó ghi rõ về thực trạng quản lý, sử dụng hàng hóa, dịch vụ hiện có; quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức; nhu cầu, kế hoạch, sự cần thiết và sự phù hợp của danh mục, chủng loại, số lượng, giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ đề nghị mua sắm, thuê) và thực hiện trình tự quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ như sau:

a) Giá trị dự toán mua sắm, thuê không quá 100 triệu đồng: Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp ban hành Quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị mình.

b) Giá trị dự toán mua sắm, thuê trên 100 triệu đồng đến 02 tỷ đồng:

- Đối với đơn vị, bộ phận trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí thuộc các sở, ban, ngành, UBND các quận: Trình hồ sơ mua sắm cho cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) kiểm tra thống nhất, trình Người đứng đầu sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ban hành Quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị mình.

- Đối với đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện, xã: Trình hồ sơ mua sắm cho cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) kiểm tra thống nhất, trình Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ.

c) Giá trị dự toán mua sắm, thuê trên 02 tỷ đồng đến 45 tỷ đồng:

- Đối với hóa chất, vật tư y tế: Cơ sở y tế trình hồ sơ đề nghị mua sắm cho Sở Y tế kiểm tra, lấy ý kiến thẩm định giá nhà nước của Sở Tài chính đối với dự toán mua sắm

để hoàn chỉnh, trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định mua sắm hóa chất, vật tư y tế.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ khác: Đơn vị, bộ phận trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí gửi hồ sơ đề nghị mua sắm cho cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) kiểm tra, lấy ý kiến thẩm định giá nhà nước của Sở Tài chính đối với (dự toán mua sắm để hoàn chỉnh, trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ.

d) Giá trị dự toán mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ trên 45 tỷ đồng

- Đối với hóa chất, vật tư y tế: Cơ sở y tế trình hồ sơ đề nghị mua sắm cho Sở Y tế kiểm tra, lấy ý kiến thẩm định giá nhà nước của Sở Tài chính đối với dự toán mua sắm để hoàn chỉnh trình UBND thành phố ban hành Quyết định mua sắm hóa chất, vật tư y tế.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ khác: Đơn vị, bộ phận trực tiếp sử dụng nguồn kinh phí gửi hồ sơ đề nghị mua sắm cho cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) kiểm tra, lấy ý kiến thẩm định giá nhà nước của Sở Tài chính đối với dự toán mua sắm để hoàn chỉnh trình UBND thành phố ban hành Quyết định mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ.”

b) Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Điều 4 như sau:

“4. Đối với trường hợp mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của UBND thành phố (trên 45 tỷ đồng) hoặc của Chủ tịch UBND thành phố (trên 02 tỷ đồng và đến 45 tỷ đồng): Giao Sở Tài chính thẩm định giá dự toán mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ; đồng thời kiểm tra, có ý kiến về sự phù hợp của việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để mua sắm.

5. Đối với trường hợp mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dự toán dưới 02 tỷ đồng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp Quyết định mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá dự toán mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND thành phố ban hành danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ (trừ thuốc) thực hiện mua sắm tập trung.

Hàng năm trước ngày 15/3, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, bổ sung, điều chỉnh danh mục mua sắm tập trung báo cáo UBND thành phố ban hành (nếu có).”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 7 và bổ sung khoản 5 vào Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 7 như sau:

“3. Sở Tài chính thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị dự toán cấp thành phố (không bao gồm UBND các quận và phường), trừ tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. UBND các quận thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn dự toán chi ngân sách thành phố giao cho các đơn vị thuộc cấp quận và phường.”

b) Bổ sung khoản 5 vào Điều 7 như sau:

“5. UBND các huyện thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách huyện cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện và xã”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu hàng năm theo quy định tại Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017, Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 29/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản quy định hiện hành.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2022. Các nội dung khác tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng về một số nội dung trong mua sắm, thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng không trái với Quyết định này vẫn còn hiệu lực thực hiện.

**Điều 3.** Quy định về xử lý chuyên tiếp

1. Tài sản, hàng hóa, dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định mua sắm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

2. Tài sản, hàng hóa, dịch vụ chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định mua sắm thực hiện theo Quyết định này và các quy định khác liên quan.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Kỳ Minh**